TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Bé

2. Ông Đinh Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy C, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số A, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Phan Ngọc T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy C trình bày:

Bà và ông Phan Ngọc T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 18/12/2012. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 04/2023 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Ngọc T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Ngọc Thảo N, sinh ngày 03/3/2014 và con chung tên Phan Anh L, sinh ngày 12/10/2019, hiện nay 02 con chung đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu ông Phan Ngọc T cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi người con, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2023 vì từ sau khi vợ chồng không còn chung sống với nhau ông T đã thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung đến hết tháng 8/2023.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ông Phan Ngọc T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thúy C có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Ngọc T, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Phan Ngọc T1 trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Phan Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy C và ông Phan Ngọc T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 18/12/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của bà C, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau vì chủ yếu là mâu thuẫn tài chính trong gia đình và mâu thuẫn trong cách nuôi dạy các con, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 04/2023 đến nay. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện việc ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng hai đương sự không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà C yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C.

[3] Về nuôi con chung: Bà C và ông T có với nhau hai người con chung tên là Phan Ngọc Thảo N, sinh ngày 03/3/2014 và con chung tên Phan Anh L, sinh ngày 12/10/2019.

Khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Xét thấy, hiện tại hai con chung do bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cũng như nguyện vọng của con chung tên Thảo N mong muốn được sống cùng với mẹ. Do đó, cần giao hai con chung cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà C yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung định kỳ hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng số tiền 1.500.000 đồng cho mỗi người con, cấp dưỡng đến khi hai con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thúy C và ông Phan Ngọc T.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Phan Ngọc Thảo N, sinh ngày 03/3/2014 và con chung tên Phan Anh L, sinh ngày 12/10/2019, cho bà Nguyễn Thị Thúy C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Phan Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung định kỳ hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng số tiền 1.500.000 đồng cho mỗi người con, cấp dưỡng đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu tính từ tháng 9/2023.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi

suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003448 ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Phan Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh L;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Duy